

Bản án số: 79/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/03/2026

“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ TĨNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Trọng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đình Sỹ và bà Lê Thị Thu Hiền.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lê Na - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 12/9/2002; Căn cước công dân số 02230207430; địa chỉ: khu F, phường M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty L và cộng sự; địa chỉ: Ngõ D D, phường P, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Văn T – Giám đốc điều hành. Người đại diện theo ủy quyền của công ty: Bà Nguyễn Trần Như Q – Nhân viên. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đậu Văn H, sinh ngày 26/10/1996; Căn cước công dân số 042096016052; địa chỉ: thôn T, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Đậu Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X, huyện N,

tỉnh Hà Tĩnh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2022 ngày 18/07/2022.

Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Đậu Văn H chung sống hạnh phúc được một thời gian. Về sau, vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều tranh cãi, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu khiến cho cuộc sống hôn nhân vợ chồng bế tắc, không có cách nào giải quyết. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này làm ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng và con cái. Nay, chị Y nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị Hải Y được ly hôn với anh H để tôi sớm ổn định cuộc sống của bản thân.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/02/2023, hiện nay cháu T1 đang sống cùng chị Y. Nay ly hôn, chị Y có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến khi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án chị Y yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng nhưng sau đó chị Y nhận thấy bản thân đủ điều kiện nuôi dưỡng con nên ngày 05/02/2026 chị Y xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hải Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đậu Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Hải Y trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào ngày 18/7/2022 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở M, Quảng Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không phù hợp trong lối sống và suy nghĩ. Hiện nay tình trạng hôn nhân không còn phù hợp và không có tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân được khoảng ba năm, có được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, đời sống chung không thể kéo dài nên anh H đồng ý ly hôn với chị Y.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Anh T1, sinh năm 2023, hiện con đang sống cùng với mẹ ở Quảng Ninh. Sau khi ly hôn anh H đồng ý giao con cho chị Y nuôi, về cấp dưỡng do hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Đậu Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều

28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Điều 3, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Hải Y** và anh **Đậu Văn H**.

- Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Anh T1**, sinh ngày 02/02/2023 cho chị **Nguyễn Thị Hải Y** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh **Đậu Văn H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Nguyễn Thị Hải Y** rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Hải Y** tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh **Đậu Văn H** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn T, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh theo quy định Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án chị **Nguyễn Thị Hải Y** và anh **Đậu Văn H** có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị **Nguyễn Thị Hải Y** và anh **Đậu Văn H**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hải Y kết hôn với anh Đậu Văn H trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 18/7/2022 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là UBND xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh). Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2022, ngày 18/7/2022 do Ủy ban nhân dân xã X cấp cho chị Nguyễn Thị Hải Y đã được chị Y giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh Đậu Văn H và chị Nguyễn Thị Hải Y là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị Y và anh H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, không còn tình cảm với nhau nên đã sống ly thân được khoảng 3 năm. Qua xem xét, đánh giá thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Điều đó thể hiện đời sống chung giữa chị Y và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đều mong muốn ly hôn để hai bên ổn định cuộc sống.

Từ yêu cầu của các đương sự và trên cơ sở thực trạng mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Đậu Văn H là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Đậu Văn H đều thống nhất giao con chung Nguyễn Anh T1, sinh ngày 02/02/2023 cho chị Nguyễn Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Đậu Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc chị Nguyễn Thị Hải Y rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trước khi mở phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội mà vẫn đảm bảo cuộc sống của con sau ly hôn nên đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Y là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hải Y tự nguyện chịu 150.000 đồng.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hải Y và anh Đậu Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 3 Điều 18, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 3, khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Hải Y** và anh **Đậu Văn H**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị **Nguyễn Thị Hải Y** và anh **Đậu Văn H** về việc giao con chung **Nguyễn Anh T1**, sinh ngày 02/02/2023 cho chị **Nguyễn Thị Hải Y** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh **Đậu Văn H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị **Nguyễn Thị Hải Y**.

4. Chị **Nguyễn Thị Hải Y** tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị **Y** đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0000007 ngày 06/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Nay trả lại cho chị **Y** 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Chị **Nguyễn Thị Hải Y**, anh **Đậu Văn H** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã Đan Hải;
- Đương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huy Trọng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**B**

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 3;
- UBND xã Đan Hải;
- Dương sự;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huy Trọng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huy T2**

